

**TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN, QUY TRÌNH, HỒ SƠ THỦ TỤC VỀ CHO VAY
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRIBANK)**

I. Điều kiện cho vay:

Agribank xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

a) Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác Việt Nam:

- Tổ chức là pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. Người đại diện pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự và có năng lực hành vi dân sự.

- Doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Hộ gia đình:

+ Đại diện cho hộ gia đình để giao dịch vay vốn là chủ hộ hoặc người đại diện theo ủy quyền của chủ hộ;

+ Chủ hộ hoặc người đại diện theo ủy quyền phải có năng lực pháp luật dân sự và có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Cá nhân: Cá nhân vay vốn phải có năng lực pháp luật dân sự và có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tổ hợp tác:

+ Hoạt động theo quy định của Bộ luật dân sự;

+ Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

b) Đối với pháp nhân, cá nhân nước ngoài:

Thực hiện theo quy định của Agribank.

2. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

3. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.

a) Kinh doanh có hiệu quả (năm trước liền kề có lãi), trường hợp năm trước liền kề lỗ và/hoặc có lỗ lũy kế thì phải có phương án khắc phục lỗ khả thi và có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn trong thời hạn cam kết;

Cho vay đáp ứng nhu cầu đời sống, khách hàng phải có nguồn thu nhập ổn định để trả nợ.

b) Không có nợ xấu tại Agribank và các TCTD khác.



c) Có vốn tự có tham gia vào dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống. cụ thể:

- Cho vay ngắn hạn thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khách hàng phải có vốn tự có tối thiểu 10% tổng nhu cầu vốn;

- Cho vay trung hạn, dài hạn thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khách hàng phải có vốn tự có tối thiểu 20% trong tổng nhu cầu vốn;

d) Khách hàng đang còn dư nợ tại Agribank không đáp ứng đủ các điều kiện tại điểm a, b, c khoản này, khách hàng xếp loại C, D (theo tiêu chí xếp hạng nội bộ của Agribank) không được tăng dư nợ và có phương án giảm dần dư nợ;

đ) Khách hàng vay vốn có bảo đảm bằng số dư tiền gửi bằng 100% giá trị khoản cho vay (cả gốc và lãi) tại Agribank nơi cho vay không phải thực hiện các điều kiện nêu tại điểm a, b, c khoản này.

4. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của Agribank.

II. Mức cho vay

Agribank nơi cho vay căn cứ vào nhu cầu vay vốn của khách hàng, giá trị tài sản bảo đảm (đối với khoản cho vay áp dụng bảo đảm bằng tài sản), khả năng hoàn trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Agribank để quyết định mức cho vay.


III. Danh mục hồ sơ vay vốn

Quy định cụ thể các loại hồ sơ khách hàng phải lập và cung cấp cho Ngân hàng, các loại hồ sơ Ngân hàng lập và các loại hồ sơ khách hàng và Ngân hàng phối hợp cùng lập).

1. Đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân (theo phụ lục 01A).

2. Đối với khách hàng là tổ chức (theo phụ lục 01B).

IV. Quy trình cho vay.

Sau khi có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định tại phần **Danh mục hồ sơ** khách hàng mang hồ sơ gặp cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn (NHNo Hà Tĩnh phân vùng địa bàn cụ thể đến từng cán bộ tín dụng tại các Chi nhánh trực thuộc) để được hướng dẫn các bước tiếp theo. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KH-KD;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Tâm

DANH MỤC HỒ SƠ CHO VAY
Áp dụng đối với cho vay hộ gia đình, cá nhân

Tên hồ sơ	Loại chứng từ nhận
A/ Hồ sơ Pháp lý khách hàng	
<u>I. Đối với hộ gia đình, cá nhân.</u>	
1. Chứng minh nhân dân/ hoặc hộ chiếu	Bản photo
2. Sổ hộ khẩu/sổ tạm trú/ thẻ thường trú	Bản photo
3. Giấy phép đánh bắt thủy sản, hải sản, đăng kiểm tàu thuyền (đối với hộ đánh bắt thủy hải sản)	Bản photo
4. Giấy ủy quyền của chủ hộ (trường hợp được chủ hộ ủy quyền)	Bản chính
<u>II. Đối với hộ gia đình, cá nhân vay thông qua tổ vay vốn.</u>	
1. Chứng minh nhân dân/ hoặc hộ chiếu của từng tổ viên	Bản photo
2. Sổ hộ khẩu/sổ tạm trú/thẻ thường trú của từng tổ viên	Bản photo
3. Danh sách lãnh đạo tổ và các thành viên trong tổ có xác nhận của UBND cấp xã/ phường cho phép hoạt động.	Bản chính
4. Biên bản thành lập tổ kiêm quy ước hoạt động của tổ	Bản chính
5. Quyết định thành lập tổ của UBND cấp xã/ phường cho phép hoạt động .	Bản chính
6. Hợp đồng làm dịch vụ với Agribank	Bản chính
<u>III. Đối với hộ, cá nhân có đăng ký kinh doanh</u>	
1. Chứng minh nhân dân/ hoặc hộ chiếu	Bản photo
2. Sổ hộ khẩu/sổ tạm trú/ thẻ thường trú	Bản photo
3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Giấy chứng nhận ĐKKD)	Bản photo
4. Giấy chứng nhận/ chứng chỉ hành nghề (Đối với mặt hàng/ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có)	Bản photo có chứng thực của cấp có thẩm quyền
5. Giấy ủy quyền của chủ hộ (trường hợp được chủ hộ ủy quyền).	Bản chính
<u>IV. Đối với cho vay tiêu dùng</u>	
1. Chứng minh nhân dân/ hoặc hộ chiếu	Bản photo
2. Sổ hộ khẩu/sổ tạm trú/ thẻ thường trú (Áp dụng cho hộ gia đình cá nhân không có xác nhận của cơ quan đơn vị nơi công tác trên Giấy đề nghị vay vốn).	Bản photo
3. Văn bản thỏa thuận ký giữa Agribank nơi cho vay và cơ quan quản lý trả lương (nếu có); Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập để trả nợ (nếu có).	Bản chính
4. Các tài liệu liên quan (nếu có)	
B. Hồ sơ kinh tế	
Tùy theo từng khách hàng vay Agribank nơi cho vay có thể đề nghị cung cấp báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của năm trước liền kề (áp dụng đối với hộ có đăng ký kinh doanh	Bản photo

nhưng không bắt buộc), các giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập (Đối với các hộ gia đình, cá nhân vay tiêu vốn phục vụ nhu cầu đời sống).	
C. Hồ sơ vay vốn	
I. Hồ sơ khách hàng cung cấp	
1. Giấy đề nghị vay vốn/ Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn/Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn kiêm báo cáo thẩm định/Giấy đề nghị vay lưu vụ;	Bản chính
2. Dự án/Phương án sản xuất kinh doanh (Trừ trường hợp áp dụng Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn);	Bản chính
3. Các tài liệu về thủ tục đầu tư theo quy định (như quyết định đầu tư dự án, thủ tục về cấp/cho thuê đất, bảo vệ môi trường...) – nếu có;	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực
4. Các hợp đồng kinh tế (nếu có), Các chứng từ liên quan đến sử dụng vốn vay. Trường hợp hóa đơn tài chính thực hiện theo quy định (áp dụng khi giải ngân vốn vay);	Bản chính hoặc bản photo
5. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án (trường hợp bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai);	Bản chính
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp (Đối với khách hàng vay vốn không có bảo đảm bằng tài sản theo NĐ 41);	Bản chính
7. Giấy tờ xác nhận được giao; thuê; sử dụng đất, mặt nước (đối với SX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp);	Chứng thực
8. Tài liệu khác có liên quan. (nếu có hoặc cần thiết).	Bản chính/photo
II. Tài liệu do Ngân hàng và khách hàng cùng lập	
1. Hợp đồng tín dụng/ Phụ lục HĐTD (nếu có)/ Sổ vay vốn;	Bản chính
2. Giấy nhận nợ (Áp dụng giải ngân 2 lần trở lên);	Bản chính
3. Biên bản kiểm tra sau khi cho vay;	Bản chính
4. Các loại biên bản làm việc/thỏa thuận (nếu có).	Bản chính
5. Các giấy tờ khác (nếu có).	Bản chính, chứng thực hoặc bản photo
D. Hồ sơ về đảm bảo tiền vay (theo quy định về giao dịch bảo đảm) do Ngân hàng và khách hàng cùng lập	
1. Biên bản định giá tài sản;	Bản chính
2. Các giấy tờ liên quan đến việc xác định giá trị tài sản;	Photo
3. Hợp đồng bảo đảm tiền vay và Phụ lục Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có);	Bản chính
4. Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm; Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm;	Bản chính
5. Các giấy tờ liên quan đến việc mua bảo hiểm tài sản;	Bản chính, chứng thực hoặc bản photo
6. Các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.	Bản chính
7. Các giấy tờ khác (nếu có).	Bản chính, chứng thực hoặc bản photo

DANH MỤC HỒ SƠ**Áp dụng đối với cho vay khách hàng là Tổ chức**

Hồ sơ	Loại chứng từ nhận	Số lượng
A. Hồ sơ Pháp lý khách hàng		
1. Quyết định thành lập DN (nếu có).	Chứng thực	1
2. Giấy chứng nhận ĐKDN/Giấy chứng nhận ĐKKD; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh (khách hàng vay là đơn vị hạch toán phụ thuộc).	Chứng thực	1
3. Điều lệ doanh nghiệp hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.	Bản sao chứng thực /xác nhận của khách hàng	1
4. Quyết định bổ nhiệm hoặc cử người đại diện theo pháp luật của cấp có thẩm quyền.	Chứng thực	1
5. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật; của pháp nhân ủy quyền cho đơn vị hạch toán phụ thuộc (nếu có).	Bản chính	1
6. Chứng chỉ hành nghề/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh/Giấy phép/Hạn ngạch XNK (nếu theo quy định phải có).	Chứng thực	1
7. Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế/mã số thuế XNK (nếu có).	Chứng thực	1
8. Danh sách thành viên sáng lập, Danh sách thành viên HĐQT/HĐQT.	Bản chính /Chứng thực	1
9. Nghị quyết/Biên bản họp của cấp có thẩm quyền theo điều lệ v/v phê duyệt Phương án SXKD, dịch vụ, Dự án đầu tư, việc vay vốn NH, bảo đảm tiền vay.	Bản chính	1
10. Quyết định giao vốn/ Giấy chứng nhận góp vốn/ Sổ cổ đông.	Chứng thực	1
11. Các giấy tờ khác (nếu có).	Chứng thực	1
B. Hồ sơ Kinh tế (do khách hàng lập)		
1. Báo cáo tài chính 2 năm liền kề (trừ DN mới thành lập, tổ chức không phải lập BCTC). Bao gồm (Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính). (BCTC được kiểm toán bao gồm DN phải kiểm toán theo quy định hoặc DN không bắt buộc kiểm toán)	Bản chính /Chứng thực	1
2. Báo cáo tài chính quý gần nhất (trường hợp DN không phải nộp báo cáo tài chính quý thì báo cáo nhanh tình tài chính tại thời điểm xin vay)	Bản chính	1
3. Các tài liệu khác về tình hình tài chính (nếu có).	Bản chính	1

C. Hồ sơ vay vốn	/chứng thực	
I. Hồ sơ khách hàng cung cấp		
1. Giấy đề nghị vay vốn.	Bản chính	1
2. Phương án SXKD, dịch vụ hoặc Dự án đầu tư và các tài liệu liên quan.	Bản chính/bản chứng thực	1
3. Hợp đồng kinh tế (nếu có), chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.	Bản chính /photo	1
4. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án (trường hợp bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai).	Bản chính	1
II. Tài liệu do Ngân hàng và khách hàng cùng lập		
1. Hợp đồng tín dụng; Phụ lục HĐTD (nếu có).	Bản chính	2
2. Giấy nhận nợ.	Bản chính	3
3. Biên bản kiểm tra sau khi cho vay.	Bản chính	Định kỳ
4. Các loại biên bản làm việc/thỏa thuận (nếu có).	Bản chính	Định kỳ
5. Các giấy tờ khác (nếu có).	Bản chính/chứng thực /bản photo	Theo quy định
D. Hồ sơ về đảm bảo tiền vay (theo quy định về giao dịch bảo đảm tiền vay) do Ngân hàng và khách hàng cùng lập.		

26